TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2019/QĐST-DS	*Bắc Tân Uyên, ngày 01 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2019,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Đức N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã T, thị xã U, tỉnh D (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019).

- *Bị đơn:*

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.

- Bà Phan Thị Mỹ C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.

- Ông Phan Hữu L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Mỹ C và ông Phan Hữu L: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.(Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019).

- Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.

- Bà Phan Thị Mỹ H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

3. Bà Trần Thị Mỹ H2, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

4. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

6. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 3.../2../.. Đường MP, phường X, Quận U, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị Mỹ H, ông Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc H3, ông Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị Ngọc T4: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D.(Văn bản ủy quyền cùng ngày 10/6/2019).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Trọng T với bà Đỗ Thị H, bà Phan Thị Mỹ C, ông Phan Hữu L, bà Phan Thị Mỹ P, bà Phan Thị Mỹ H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Trần Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị Ngọc H3, ông Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị Ngọc T4, ông Nguyễn Thanh S cùng thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 09/02/2017 đã ký kết công chứng tại Văn phòng công chứng LHPT.

Ông Nguyễn Trọng T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 445,3 m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 563 tờ bản đồ 38 và có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 445,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 563 tờ bản đồ 38 Giấy chứng nhận QSD đất số CS 01420 ngày 03/10/2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh D cấp cho bà Đỗ Thị H tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện B, tỉnh D (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01420 ngày 03/10/2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh D cấp cho bà Đỗ Thị H theo nội dung quyết định.

3. Về chi phí thẩm định và định giá: Ông Nguyễn Trọng T thỏa thuận chịu toàn bộ là 2.996.514 đồng (Đã thực hiện xong).

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn), được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) mà ông Nguyễn Trọng T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030498 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh D;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng